

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Ôn tập và củng cố lại các đơn vị đo diện tích, thể tích, đơn vị đo thời gian, đơn vị đo khối lượng. Nắm được mối quan hệ giữa các đơn vị đo.
2. Ôn tập phép cộng.
Giải các bài toán có liên quan đến đơn vị đo thời gian, đơn vị đo khối lượng và đơn vị đo thể tích.

B. BÀI TẬP

I. Phần trắc nghiệm.

Chọn câu trả lời đúng.

Câu 1. Đơn vị đo diện tích là:

- A. mét B. mét vuông C. mét khối D. tạ

Câu 2. Đơn vị đo thời gian là:

- A. tấn B. giờ C. mét D. yến

Câu 3. “ $4m^3 35dm^3 = \dots\dots m^3$ ”. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 4035 B. 435 C. 4,035 D. 40 035

Câu 4. “2 giờ 15 phút = $\dots\dots$ giờ”. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 2,15 B. 2,25 C. 2,35 D. 2,5

Câu 5. Một xe máy đi hết quãng đường AB với vận tốc 36km/giờ thì hết thời gian là 1 giờ 30 phút. Nếu ô tô đi quãng đường đó với vận tốc 45km/giờ thì hết bao lâu?

- A. 1 giờ 12 phút B. 1 giờ 15 phút C. 1 giờ 20 phút D. 1 giờ 25 phút

Câu 6. Một ca nô xuôi dòng từ A đến B với vận tốc 25km/giờ thì hết 1 giờ 48 phút. Nếu ca nô ngược dòng từ B về A thì hết bao lâu? Biết vận tốc dòng nước là 2,5km/giờ.

- A. 2 giờ 15 phút B. 1 giờ 30 phút C. 1 giờ 50 phút D. 2 giờ

II. Phần tự luận.

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) $3ha 5dam^2 = \left[\begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline \end{array} \right] m^2$

b) $12m^2 15dm^2 = \left[\begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline \end{array} \right] m^2$

c) $4m^2 203cm^2 = \left[\begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline \end{array} \right] m^2$

d) $5,35km^2 = \left[\begin{array}{|c|c|c|c|c|} \hline & & & & \\ \hline \end{array} \right] m^2$

e) $5,6\text{m}^2\ 34\text{cm}^2 =$  dm^2

g) $8\text{ha}\ 45\text{m}^2 =$  ha

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) $3,5\text{m}^3 =$  dm^3

b) $3\text{m}^3\ 25\text{dm}^3 =$  m^3

c) $\frac{3}{4}\text{dm}^3 =$  cm^3

d) $2\frac{3}{5}\text{m}^3 =$  dm^3

e) $5\text{dm}^3\ 23\text{cm}^3 =$  dm^3

g) $7,09\text{m}^3\ 340\text{cm}^3 =$  dm^3

Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) $5\text{ giờ}\ 30\text{ phút} =$  phút

b) $3\text{ giờ}\ 45\text{ phút} =$  giờ

c) $2\text{ phút}\ 25\text{ giây} =$  giây

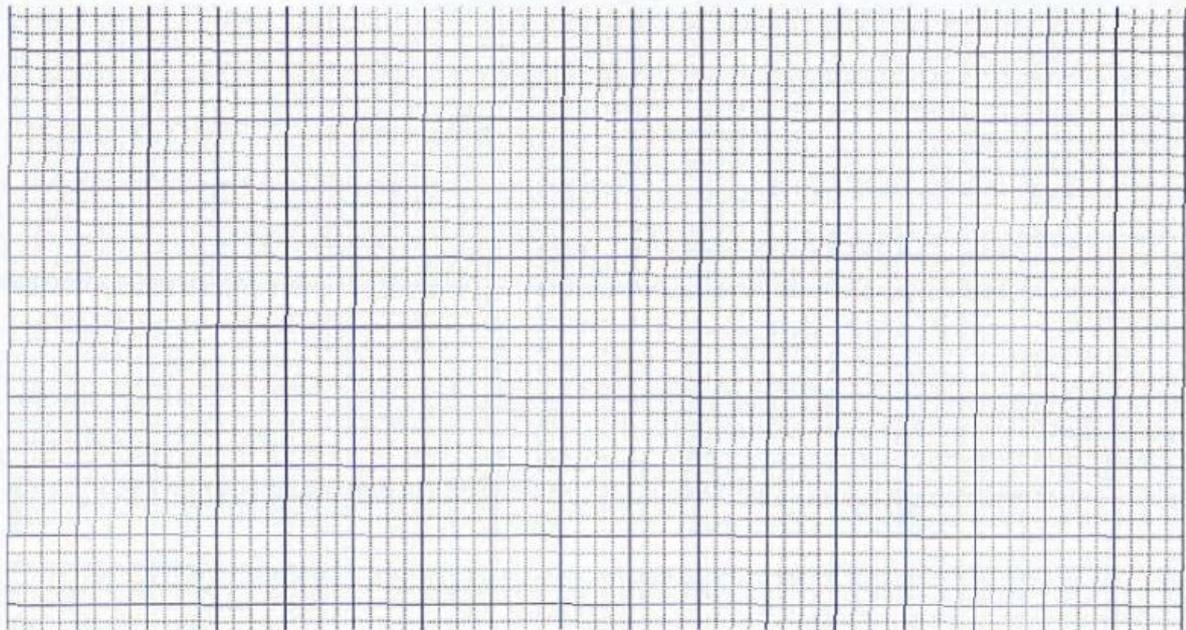
d) $6\text{ phút}\ 15\text{ giây} =$  phút

e) $3\text{ tuần}\ 4\text{ ngày} =$  ngày

g) $2\text{ năm}\ 6\text{ tháng} =$  năm

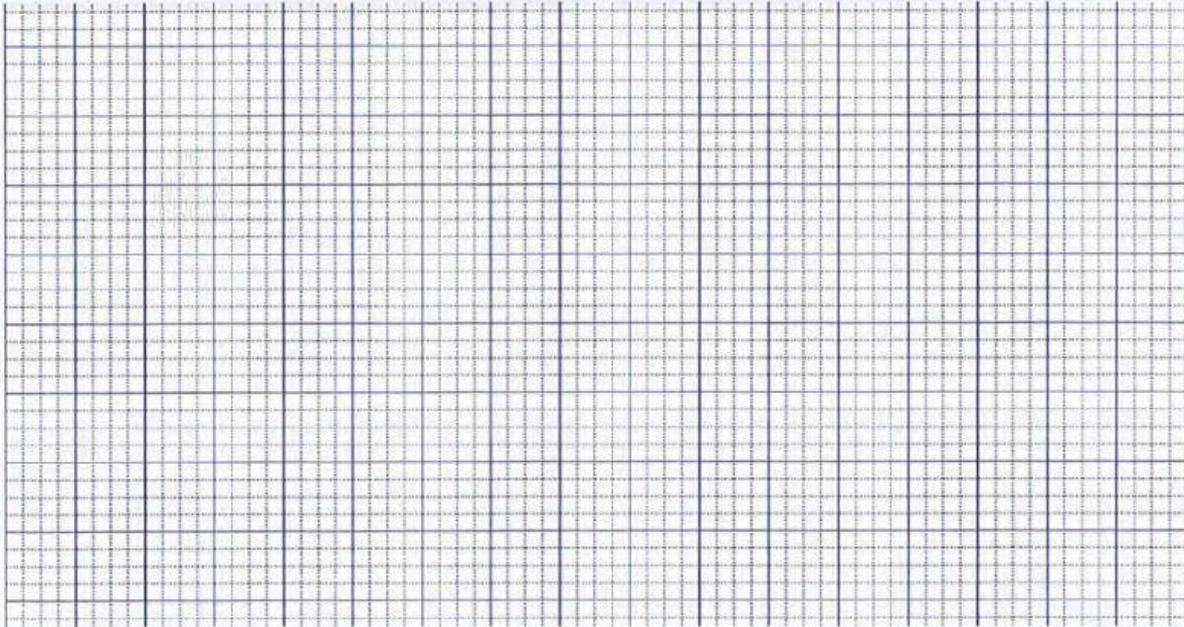
Bài 4. Một ô tô dự định đi quãng đường dài 350km. Ô tô đó đi với vận tốc 60km/giờ và đã đi được 3 giờ 36 phút. Hỏi ô tô cần đi tiếp đoạn đường dài bao nhiêu ki-lô-mét nữa ?

Bài giải



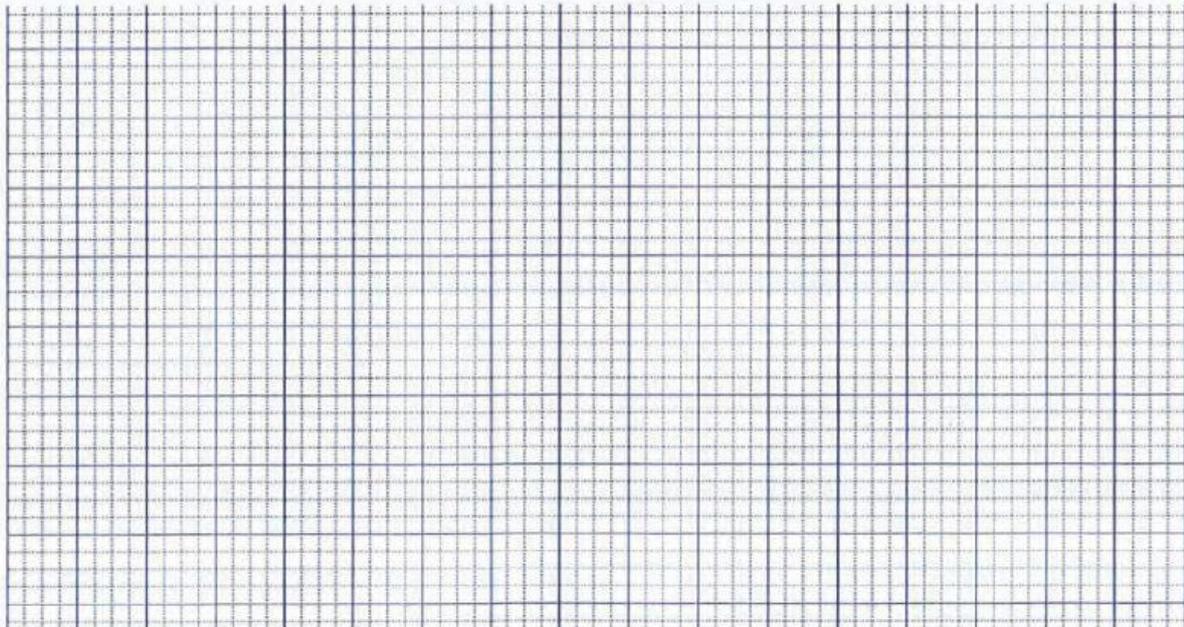
Bài 5. Hai thùng A và B có tổng 415/ dầu. Nếu lấy 35/ dầu ở thùng A đổ sang thùng B thì thùng B nhiều hơn thùng A là 7/ dầu. Hỏi lúc đầu mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu ?

Bài giải



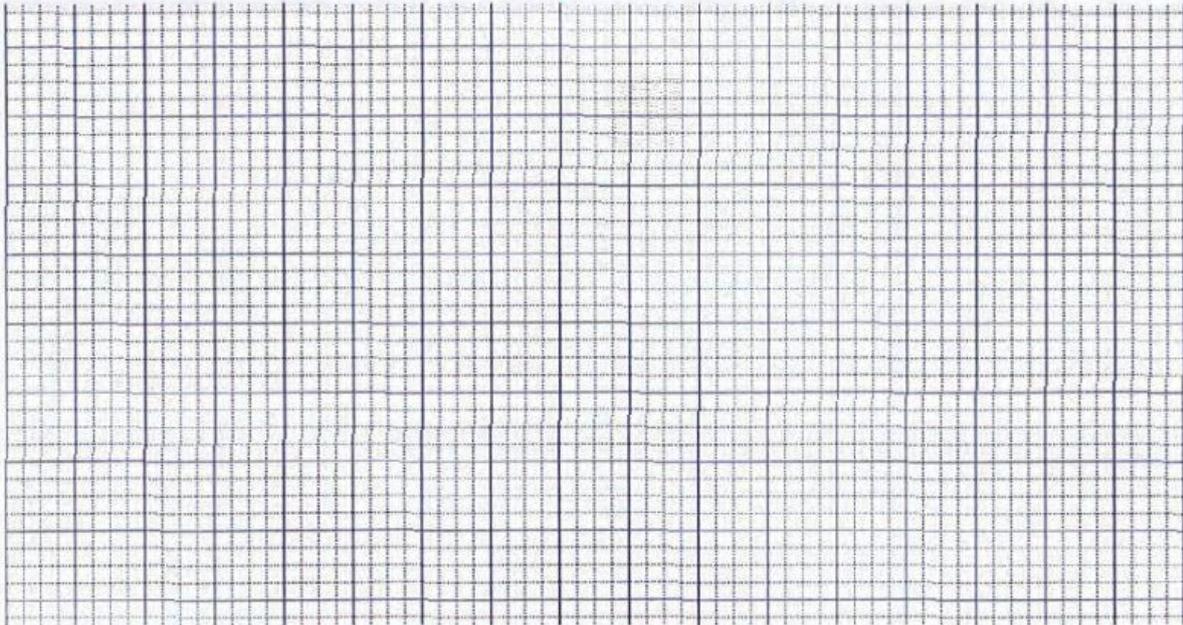
Bài 6. Một xe máy đi từ tỉnh Hưng Yên lúc 7 giờ 30 phút và đến tỉnh Hải Dương lúc 10 giờ. Xe máy đi với vận tốc 42km/giờ và nghỉ ở dọc đường 20 phút. Tính độ dài quãng đường từ tỉnh Hưng Yên đến tỉnh Hải Dương.

Bài giải



Bài 7. Lúc 7 giờ 30 một người đi xe đạp từ A với vận tốc 12km/giờ để đến B. Lúc 8 giờ một người khác đi xe máy từ A với vận tốc 36km/giờ và đến B lúc 8 giờ 30 phút. Hỏi người đi xe đạp đến trước hay đến sau người đi xe máy ?

Bài giải



Bài 8. Quãng đường AB dài 114km. Lúc 6 giờ 45 phút một người đi xe đạp từ A đến B với vận tốc 12km/giờ. Cùng lúc đó một người đi xe máy từ B về A với vận tốc 45km/giờ. Hỏi lúc mấy giờ hai xe gặp nhau ?

Bài giải

